

BÁO CÁO

Tổng kết tình hình 10 năm thi hành Luật Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Công văn số 1392/BTTTT-CNTT ngày 29/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đề nghị triển khai tổng kết 10 năm thi hành Luật Công nghệ thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

1. Việc phổ biến, quán triệt, triển khai Luật Công nghệ thông tin (CNTT) và các văn bản hướng dẫn Luật CNTT

Giai đoạn 2007-2015, triển khai thi hành Luật CNTT, tỉnh Khánh Hòa đã ban hành nhiều văn bản pháp quy liên quan để thúc đẩy ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Ban hành 02 Chương trình hoạt động của Tỉnh ủy; 01 Nghị quyết của HĐND tỉnh; 11 Quyết định, 05 Chỉ thị, 05 Kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh (*Danh sách cụ thể các văn bản triển khai, thi hành Luật CNTT tại Phụ lục đính kèm*).

2. Những hạn chế, bất cập chính trong các quy định chung về ứng dụng và phát triển CNTT

- Việc cụ thể hóa, thể chế hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về ứng dụng, phát triển CNTT còn chậm, thiếu quyết liệt.

- Hệ thống quản lý văn bản chuyên ngành từ Trung ương đến cơ sở vẫn chưa đồng bộ và đầy đủ và còn nhiều trường hợp cần sửa đổi, bổ sung dẫn đến tiến độ triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT còn chậm.

- Ứng dụng CNTT chưa được xem là một nền tảng của phương thức phát triển mới trong các cấp quản lý, các ngành kinh tế - xã hội; các ngành, địa phương chưa quan tâm đầy đủ tới việc bố trí kinh phí, tuyển chọn, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về ứng dụng CNTT

1.1. Đánh giá chung về tình hình ứng dụng CNTT

Sau 10 năm thực hiện Luật CNTT, việc ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh đã có những tiến bộ rõ rệt, đã có những đóng góp bước đầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải cách hành chính, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ của các ngành và các lĩnh vực, nâng cao năng lực cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp, đóng góp tích cực trong việc cung cấp thông tin phục vụ cộng đồng, kể cả khu vực nông thôn, các vùng xa. Nhận thức về tầm quan trọng của CNTT được nâng cao trong xã hội. Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về CNTT đã từng bước được kiện toàn. Môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho ứng dụng và phát triển CNTT đã tương đối hoàn thiện, cơ bản đáp ứng được tình hình phát triển. Cơ sở hạ tầng phục vụ ứng dụng và phát triển CNTT đạt trình độ hiện đại về công nghệ, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành cũng như trong công tác chuyên môn đã từng bước đổi mới. Nguồn nhân lực CNTT phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng. Công nghiệp CNTT đã và đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

1.2. Đánh giá theo nội dung cụ thể của Luật CNTT

a) Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước

* Ứng dụng CNTT trong cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể chính trị

- Việc ứng dụng CNTT trên Mạng Thông tin điện rộng Tỉnh ủy phục vụ công tác chuyên môn có nhiều chuyển biến tích cực và đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong công tác nghiên cứu, quản lý và điều hành công việc của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, góp phần nâng cao hiệu suất công việc và tiết kiệm thời gian trong việc thực hiện nhiệm vụ, công việc chuyên môn.

- Hệ thống tin điều hành tác nghiệp Lotus Notes dùng chung trong khối các cơ quan Đảng đã được nâng cấp từ phiên bản 4.6 lên 8.5 được triển khai ứng dụng một cách hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp huyện góp phần phục vụ kịp thời trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy Đảng; đảm bảo việc gửi nhận văn bản giữa các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện được thông suốt, an toàn.

- Hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức xây dựng Đảng hoạt động ổn định, đáp ứng được yêu cầu quản lý hồ sơ đảng viên.

- Toàn thể cán bộ công chức của các đơn vị đều được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị máy tính đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong phục vụ công tác chuyên môn. Một số cơ quan đã có các trang thông tin điện tử nội bộ của mình và hoạt động có hiệu quả.

* Ứng dụng CNTT trong cơ quan hành chính nhà nước

- 100% các sở, ngành thuộc tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh đã có Cổng/Trang thông tin điện tử; 100% UBND các xã, phường, thị trấn có Trang thông tin điện tử phục vụ cung cấp thông tin về thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Cổng Thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa, Cổng Thông tin

cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa được xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

- Thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh, đến nay tỉnh đã công bố danh mục gồm 473 thủ tục hành chính công trực tuyến mức độ 3 được cung cấp trên môi trường mạng. Tất cả dịch vụ công trực tuyến thuộc danh mục đều đã được công bố trên hệ thống các Trang thông tin điện tử và sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của người dân.

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành được triển khai áp dụng tại 38 cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện và 137 UBND cấp xã. Đến nay, tỷ lệ văn bản đi-đến được gửi/nhận hoàn toàn dưới dạng điện tử qua môi trường mạng là 28%, tỷ lệ văn bản đi-đến được gửi/nhận qua môi trường mạng, đồng thời được gửi/nhận bằng văn bản giấy là 39%.

- Phần mềm Một cửa điện tử đã triển khai đến toàn bộ các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã có cung cấp thủ tục hành chính. Trên 95% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính ở cả 3 cấp chính quyền đã được cập nhật, giải quyết trên phần mềm Một cửa điện tử. Tính đến hết năm 2015, đã có hơn 600 hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trực tuyến qua môi trường mạng ở mức độ 3 tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh (không tính lĩnh vực thuế và hải quan).

- Tất cả các cơ quan hành chính cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 14 UBND cấp xã đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh được xây dựng có sự gắn kết chặt chẽ với việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang chuẩn bị cho công tác triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đến 100% UBND cấp xã, dự kiến hoàn thành trong năm 2016, đồng thời, đang có kế hoạch xây dựng hệ thống ISO điện tử theo hướng điện tử hóa hoàn toàn quá trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Phần mềm Kiểm soát thủ tục hành chính phục vụ công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính được triển khai áp dụng tại các cơ quan quản lý chuyên môn về thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban dân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, 08 UBND cấp huyện.

- 100% cán bộ được cấp thư điện tử công vụ; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc chiếm trên 70%.

- Phối hợp Ban Cơ yếu Chính phủ cấp 443 chứng thư số cho các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã (bao gồm 285 chứng thư số cơ quan và 158 chứng thư số cá nhân) với tỷ lệ sử dụng chứng thư số đạt 77,5%.

- Hệ thống thông tin Quản lý nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa (với 02 phân hệ: Phần mềm Quản lý CBCCVC và Cổng Thông tin Quản lý nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa) hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa trên nền tảng công nghệ GIS đang trong giai đoạn triển khai xây dựng, sau khi hoàn thành sẽ hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa

b) Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong thương mại

- Những năm qua, ứng dụng CNTT trong thương mại từng bước phát triển mạnh mẽ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Ứng dụng CNTT trong hoạt động thương mại từng bước giúp các doanh nghiệp và người tiêu dùng tiếp cận được thông tin thị trường, giúp doanh nghiệp giảm đáng kể thời gian và chi phí giao dịch, tiếp thị, phát triển quan hệ tìm kiếm đối tác, giảm chi phí sản xuất giúp thanh toán nhanh gọn. Ngoài ra, còn giúp các cơ quan quản lý nhà nước nắm bắt thông tin để chỉ đạo kịp thời.

- Thực hiện theo Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử (TMĐT) giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh đã ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh. Qua thời gian triển khai thực hiện đã đạt được kết quả như sau: Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 250.425 thuê bao Internet; mật độ Internet bình quân đạt 20 thuê bao/100 dân; số máy tính của doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh khoảng 62.049 máy. Cơ sở hạ tầng ứng dụng TMĐT nhìn chung đã đáp ứng nhu cầu khai thác các tiện ích của dịch vụ Internet như theo dõi tin tức, thông tin thị trường, trao đổi qua thư điện tử.... Hầu hết các doanh nghiệp đã có trang bị máy vi tính và có ứng dụng TMĐT ở mức độ khác nhau, 95% doanh nghiệp có kết nối Internet băng rộng; 59% doanh nghiệp có website, việc xây dựng và vận hành website của các doanh nghiệp đã góp phần đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quảng bá doanh nghiệp và sản phẩm đến thị trường trong và ngoài nước. Tuy nhiên, số lượng và chất lượng website của doanh nghiệp còn hạn chế, hầu hết chỉ bằng tiếng Việt và đơn thuần chỉ giới thiệu doanh nghiệp và sản phẩm, chưa có chức năng nhận đặt hàng, bán hàng qua mạng. Các doanh nghiệp tham gia các cổng thương mại điện tử như sàn giao dịch điện tử, cổng thương mại điện tử quốc gia,... chưa nhiều; doanh nghiệp và người tiêu dùng chưa có thói quen mua bán hàng hóa qua mạng; hạ tầng, nhân lực trong hoạt động thương mại điện tử chưa mạnh; chưa có sàn giao dịch điện tử của tỉnh....

c) Việc thực hiện quy định về ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực

- Việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ gắn với quá trình cải cách hành chính cũng được quan tâm thực hiện và khai thác tốt tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh như: Phần mềm quản lý ngân sách; Phần mềm quản lý đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phần mềm Thanh tra xây dựng cơ bản của Thanh tra tỉnh; Phần mềm quản lý an toàn bức xạ, tra cứu thông tin sáng chế tại Sở Khoa học và Công nghệ; Phần mềm quản lý nguồn nhân lực, phần mềm quản lý thông tin và tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Nội vụ...

- Các dịch vụ điện tử trong các lĩnh vực tài chính (thuế, kho bạc, kiểm toán...), ngân hàng, hải quan, hàng không, thương mại, thương mại điện tử và các dịch vụ công cộng (giáo dục, đào tạo từ xa, chữa bệnh từ xa, thư viện điện tử,...) ngày càng được chú trọng. Cục Thuế tỉnh đã xây dựng ứng dụng quản lý thuế qua website đối với hoạt động kinh doanh lưu trú. Sở Y tế tỉnh đã xây dựng phần mềm quản lý y tế. 100% các bệnh viện đều có kết nối Internet. Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng

Phần mềm quản lý các kỳ thi; quản lý văn bản, chứng chỉ; quản lý ngân hàng đề thi và chấm thi trắc nghiệm; phần mềm quản lý cán bộ giáo viên ngành giáo dục và đào tạo. Hầu hết các trường học có kết nối Internet và sử dụng thống nhất thư điện tử với tên miền @khanhhoa.edu.vn.

- Đối với khu vực nông thôn, giai đoạn 2007-2015, nhiều hoạt động, chương trình hợp tác nhằm đưa CNTT vào phục vụ nông nghiệp, nông thôn, nông dân được ký kết và triển khai thực hiện. Kết quả: Tổ chức 02 đợt lớp tập huấn cho 105 cán bộ hội nông dân trên địa bàn tỉnh về các kiến thức, kỹ năng về CNTT; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa xây dựng Chuyên mục khoa giáo “Đồng hành cùng IT” phát trên sóng KTV mỗi tuần một số với thời lượng 18 phút, qua đó đã thực hiện được 10 số giới thiệu về gương điển hình của những nông dân ứng dụng tin học vào công việc nhằm kịp thời tôn vinh những mô hình tốt, cách làm hay, cá nhân tiêu biểu, từ đó tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình và thúc đẩy phong trào ứng dụng CNTT và truyền thông; triển khai thiết lập 38 điểm truy nhập Internet công cộng thuộc dự án BMGF-VN; triển khai 14 điểm thông tin khoa học và công nghệ, xây dựng Trang Thông tin điện tử Tam nông Khánh Hòa và Thư viện điện tử thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn tỉnh Khánh Hòa (62.999 tài liệu khoa học tổng quát, 87 tài liệu khoa học địa phương, 139 tài liệu tiếp nhận từ Chương trình mục tiêu quốc gia, 37.769 câu hỏi và trả lời các lĩnh vực nông nghiệp, CNTT, xây dựng, văn hóa, du lịch, y tế sức khỏe,...).

2. Về công nghiệp CNTT

a) 60% doanh nghiệp CNTT - điện tử trên địa bàn tỉnh hoạt động kinh doanh bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp ráp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần cứng - điện tử; 45% doanh nghiệp CNTT buôn bán các sản phẩm CNTT; 14% doanh nghiệp CNTT sản xuất, gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm. Các doanh nghiệp phần mềm hiện tập trung vào phát triển các sản phẩm như: Thiết kế trang thông tin điện tử; xây dựng phần mềm ứng dụng quản lý khách sạn, nhân sự, kho hàng, xuất nhập khẩu, gia công dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, gia công phần mềm cho các doanh nghiệp nước ngoài; 02% doanh nghiệp CNTT sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ nội dung số. Lĩnh vực nội dung số được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp CNTT và truyền thông với các dịch vụ nội dung số cung cấp như: Tra cứu thông tin, dữ liệu số, giải trí số, phát triển nội dung cho mạng băng rộng, mạng di động 3G,... Quy mô ngành công nghiệp CNTT của tỉnh hiện còn nhỏ, giá trị gia tăng chưa cao, khả năng làm chủ công nghệ còn hạn chế và chưa có nhiều doanh nghiệp và sản phẩm có đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

b) Hoạt động thuê dịch vụ CNTT của tỉnh cũng từng bước hình thành và phát triển. Triển khai thực hiện Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước, tỉnh đã ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ CNTT ưu tiên thuê dịch vụ. Trong năm 2015, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã triển khai thuê dịch vụ ở một số nội dung như: Dịch vụ sao lưu dữ liệu; thuê địa chỉ IP tĩnh; thuê bao đường truyền Internet; thuê tên miền; thuê chỗ đặt máy chủ; dịch vụ lưu trữ

website, phần mềm ứng dụng (hosting); chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số,...

3. Về phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã có cán bộ chuyên trách về CNTT; hàng năm đều tổ chức các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT nhằm đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng tại các cơ quan.

b) Giai đoạn 2007-2010, tỉnh đã tổ chức 32 lượt tập huấn nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về CNTT; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT và cán bộ công chức các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh. Nội dung tập huấn tập trung vào các nội dung như: Phổ biến Luật CNTT và Luật Giao dịch điện tử; quản lý và sử dụng phần mềm; trao đổi văn bản điện tử; quản lý đầu tư ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước; hướng dẫn xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; quản trị mạng và đảm bảo an toàn mạng máy tính; ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước...;

c) Triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án: “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về CNTT ở trình độ A cho hơn 1.150 cán bộ ở cấp xã, phường trên địa bàn tỉnh.

d) Nhiều chính sách hỗ trợ, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT cũng đã được tỉnh quan tâm chú trọng: Ban hành Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 Quy định bố trí công chức, viên chức chuyên trách về ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa, trong đó quy định cán bộ chuyên trách CNTT được vận dụng cho hưởng chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm như làm công tác lưu trữ với hệ số phụ cấp 0,2 so với mức lương tối thiểu chung; Quyết định số 3230/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 ban hành danh mục ngành nghề thu hút tại tỉnh Khánh Hòa, trong đó ngành CNTT là một trong các ngành nghề thuộc danh mục ngành nghề thu hút tại tỉnh Khánh Hòa, là căn cứ để thực hiện chế độ thu hút nhân tài theo Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 09/7/2014 và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và là căn cứ để tuyển chọn cán bộ, công chức không qua thi tuyển theo Đề án thí điểm tuyển chọn cán bộ, công chức không qua thi tuyển đối với những người có bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ loại khá, Đại học loại giỏi vào công tác tại các cơ quan, địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa được phê duyệt tại Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, hiện tại tỉnh đã có chủ trương cho phép các đơn vị liên quan tổ chức khóa đào tạo Thạc sĩ CNTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ứng dụng CNTT để tăng cường nguồn nhân lực có trình độ cao về CNTT làm việc và cống hiến lâu dài tại tỉnh...

e) Tính đến hết năm 2015, trên địa bàn tỉnh hiện có 06 đơn vị đào tạo về CNTT ở bậc cao đẳng, đại học với lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm trên 600 lượt sinh viên/năm. Có trên 80 cơ sở đào tạo tin học không chính quy về CNTT ở các trình độ trung cấp, tin học A, tin học văn phòng, đáp ứng nhu cầu đào tạo trên 17.000 lượt người/năm.

4. Về cơ sở hạ tầng thông tin

a) 100% các ban đảng, đảng ủy trực thuộc và huyện, thị, thành ủy, các đơn vị Mặt trận và đoàn thể tỉnh đã xây dựng mạng tin học nội bộ. Mạng Thông tin điện rộng của Tỉnh ủy Khánh Hòa đến nay đã kết nối thông suốt từ Tỉnh ủy đến tất cả các ban đảng, đảng ủy trực thuộc, các huyện, thị, thành ủy (trừ huyện đảo Trường Sa), các đơn vị Mặt trận và đoàn thể trong toàn tỉnh.

b) 100% các cơ quan Đảng có đường truyền kết nối vào mạng Internet độc lập với Mạng Thông tin điện rộng Tỉnh ủy để khai thác thông tin phục vụ công việc chuyên môn. 137 đảng ủy xã, phường, thị trấn được trang bị mới đầy đủ máy tính, kết nối vào mạng Internet.

c) Hạ tầng CNTT dùng chung của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh đã cơ bản được nâng cấp hoàn thiện, 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND, 100% Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã có mạng tin học nội bộ đáp ứng kịp thời cho việc triển khai sử dụng các ứng dụng hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực.

d) Khoảng 70% UBND cấp xã được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng hỗ trợ công tác quản lý nhà nước.

đ) Trung tâm dữ liệu và Mạng tin học điện rộng của tỉnh đã được nâng cấp và duy trì hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành các ứng dụng dùng chung của tỉnh.

e) Hiện tại, tỉnh đang tiếp tục thực hiện đầu tư bổ sung hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm dữ liệu tỉnh, UBND cấp huyện để đáp ứng nhu cầu triển khai mở rộng các ứng dụng dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Về đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT

a) Tổng kinh phí đầu tư ứng dụng CNTT giai đoạn 2007 – 2015 là 166.137 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản 158.956 triệu đồng, vốn sự nghiệp 5.941 triệu đồng; nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương là 1.240 triệu đồng.

b) Phân bổ kinh phí đầu tư:

- Đầu tư các ứng dụng CNTT dùng chung, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước: 64.464 triệu đồng (bao gồm: Phần cứng, phần mềm nội bộ, phần mềm bản quyền, đào tạo chuyển giao,... trên địa bàn toàn tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã);

- Phát triển ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: 21.034 triệu đồng.

- Xây dựng nguồn nhân lực: 1.797 triệu đồng

- Đầu tư các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý chuyên ngành, lĩnh vực: 78.842 triệu đồng.

4. Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNTT

- Giai đoạn 2007-2015, tỉnh Khánh Hòa đã đăng cai tổ chức 02 hội thảo quốc tế về CNTT là Hội thảo Châu Á về học máy, Hội thảo Châu Á về Hệ thống thông tin. Hội thảo đã thu hút 148 khách tham dự đến từ 20 nước trong khu vực là các

chuyên gia hàng đầu, các giáo sư đại học, các nghiên cứu sinh, giảng viên Việt Nam và các nước trong khu vực. Đây là sự kiện được tổ chức hàng năm của giới CNTT toàn Châu Á, với mục tiêu tạo cơ hội cho giới CNTT tình nhà được tiếp cận, trao đổi, chia sẻ thông tin về các phát kiến, tiến bộ khoa học công nghệ.

- Thực hiện các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, của Ban Quản lý dự án BMGF-VN, tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp tổ chức triển khai thành công hợp phần Dự án tại địa phương với 38 Điểm truy nhập Internet công cộng được xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng (bao gồm: 17 Điểm thư viện và 21 Bưu điện văn hóa xã). Sau hơn 03 năm đưa vào khai thác sử dụng các Điểm truy nhập Internet công cộng, người dân tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh đã được tiếp cận với CNTT, biết khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn thông tin trên Internet nhằm phục vụ cho nhu cầu thực tiễn của cuộc sống, cũng như trong sản xuất và kinh doanh. Dự án đã cung cấp các phương tiện, các ứng dụng giúp người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người dân ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo có cơ hội được tiếp cận bình đẳng các nguồn thông tin đặc biệt là các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn,..., từng bước góp phần nâng cao dân trí, cải thiện chất lượng cuộc sống.

5. Về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT

- Nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT, trong giai đoạn 2007-2015, tỉnh đã ban hành Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2014-2020 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, trong đó xây dựng kế hoạch trợ giúp người khuyết tật tiếp cận và sử dụng CNTT và truyền thông thông qua các hình thức như: Phát triển, nâng cấp các tính năng trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương; xây dựng các nội dung đào tạo, hướng nghiệp trong lĩnh vực CNTT và truyền thông theo hình thức đào tạo mới cho người khuyết tật; nghiên cứu, tổ chức sản xuất các công cụ tiện ích trên đài truyền hình để người khuyết tật dễ dàng tiếp cận với thông tin....

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao kiến thức, nhận thức của người tiêu dùng về công tác đấu tranh chống hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; không bao che, tiếp tay cho các đối tượng buôn lậu, sản xuất hàng giả, gian lận thương mại đồng thời hướng dẫn pháp luật để người sản xuất kinh doanh tự giác chấp hành pháp luật, cạnh tranh lành mạnh, cùng có lợi.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan thường xuyên tổ chức cuộc thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp CNTT-ĐT trên địa bàn tỉnh nhằm chấn chỉnh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực CNTT như kinh doanh không đúng giấy phép, mua bán các phần mềm không có bản quyền, các sản phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, không có tem hợp chuẩn hợp quy, đăng tải các thông tin có nội dung trái đạo đức, thuần phong mỹ tục...

6. Về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm

Triển khai các quy định của pháp luật về việc thanh tra, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực CNTT, giai đoạn 2007-2015, tỉnh đã tổ chức 03 cuộc thanh tra và 01 cuộc kiểm tra tình hình hoạt động của các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh với tổng số 106 lượt doanh nghiệp được thanh, kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh 99 trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực CNTT như: Không thực hiện chế độ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh theo đúng quy định; các thông tin đăng tải trên trang thông tin điện tử nội bộ chưa đúng quy định; kinh doanh không đúng địa chỉ đã đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không thực hiện công tác chứng nhận và công bố phù hợp tiêu chuẩn đối với các sản phẩm bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn trong lĩnh vực CNTT; vi phạm trong việc sử dụng bản quyền phần mềm máy tính...

Qua 10 năm triển khai thực hiện Luật CNTT, có thể thấy các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT trên địa bàn tỉnh chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật trong lĩnh vực CNTT; bên cạnh đó, nhờ có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống các đối tượng lợi dụng hoạt động CNTT để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, do vậy, trên địa bàn tỉnh hiện vẫn chưa phát hiện vụ việc nào các vi phạm đến vấn đề an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

7. Về An toàn thông tin

Giai đoạn 2007-2015, công tác đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động của cơ quan nhà nước đã được quan tâm thực hiện, cụ thể:

- Việc thực hiện các yêu cầu về giám sát an toàn thông tin; bảo vệ cơ sở hạ tầng thông tin; bảo vệ thông tin cá nhân; phòng chống thư rác; phòng chống virus và mã độc hại; đảm bảo an toàn thông tin trong ứng dụng được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc theo Quy định số 23-QĐ/TU, ngày 12/5/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý, sử dụng mạng thông tin diện rộng của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

- Tỉnh đã ban hành Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 về Quy chế đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm cụ thể hóa các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin số tại Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời bổ sung các quy định mới phù hợp với tình hình thực tiễn và quá trình ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Trung tâm dữ liệu Tỉnh được đầu tư nâng cấp từ năm 2012 góp phần trang bị các thiết bị phần cứng, phần mềm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin như trang bị phần mềm diệt virus cho máy tính, các thiết bị tường lửa (Firewall), hệ thống lưu trữ dữ liệu, thiết bị bảo mật và chặn lọc thư rác chuyên dụng..., phục vụ hiệu quả công tác đảm bảo an toàn thông tin của hệ thống.

- Từ năm 2014 đến nay, tỉnh đã tiến hành xây dựng và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC27001 nhằm tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin cho hạ tầng và ứng dụng của Trung tâm

dữ liệu của tỉnh. Trong thời gian tới, tỉnh có chủ trương tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình áp dụng Hệ thống quản lý an toàn, an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC27001 đến các cơ quan nhà nước có các điều kiện về hạ tầng và nhân lực phù hợp.

- Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị trực tiếp tham mưu và tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về đảm bảo an toàn thông tin số, đã thường xuyên phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong hoạt động cảnh báo nguy cơ, xử lý sự cố mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động cảnh báo, hướng dẫn, phối hợp xử lý sự cố kịp thời đã góp phần duy trì ổn định và đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn thông tin và tính pháp lý của văn bản trong hoạt động trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, từ năm 2012 đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp 443 chứng thư số chuyên dùng (bao gồm 285 chứng thư số cơ quan và 158 chứng thư số cá nhân) phục vụ hoạt động trao đổi văn bản điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Hiện nay, tỉnh đang phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ để thực hiện tích hợp chữ ký số chuyên dùng vào các ứng dụng dùng chung của tỉnh, dự kiến hoàn thành và đưa vào ứng dụng trên phạm vi toàn tỉnh trong năm 2016.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá tóm tắt các kết quả đạt được

Qua 10 năm triển khai Luật CNTT, việc triển khai ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực. Thông qua việc triển khai các đề án, dự án, kế hoạch về CNTT, kết hợp với việc thực thi các giải pháp về xây dựng môi trường chính sách, xây dựng nguồn nhân lực, tổ chức triển khai, tài chính, tuyên truyền phổ biến,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ứng dụng CNTT phát triển mạnh. Hiệu quả công tác quản lý nhà nước được nâng cao. Môi trường và phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cải tiến theo hướng hiện đại. Nguồn nhân lực CNTT từng bước được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh. Năng suất, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được cải thiện. Mức độ hài lòng của người dân ngày một tăng cao. Chính quyền điện tử từng bước được hình thành. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh đã cơ bản được nâng cấp hoàn thiện, 100% các ban đảng, đảng ủy trực thuộc và huyện, thị, thành ủy, các đơn vị Mặt trận và đoàn thể tỉnh; 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND, 100% Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND từ cấp tỉnh đến huyện, khoảng 70% UBND cấp xã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước. Trung tâm dữ liệu và Mạng tin học điện rộng của tỉnh được nâng cấp và đưa vào hoạt động ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận hành các ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Các ứng dụng CNTT được đầu tư phát triển kịp thời, hỗ trợ công tác quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành, lĩnh vực và đặc biệt là phục vụ công tác CCHC:

Bộ phần mềm một cửa điện tử được xây dựng và triển khai cho tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể: 38 cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện và 137 UBND cấp xã được triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước đạt khoảng 70%; 35 cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện và 137 UBND cấp xã được triển khai phần mềm Một cửa điện tử, Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính liên thông; 473 dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3; Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Thông tin cải cách hành chính của tỉnh được xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả; trên 5.500 tài khoản thư điện tử công vụ được cấp sử dụng; 443 chứng thư số chuyên dùng được cấp cho lãnh đạo và cơ quan để phục vụ việc trao đổi, gửi nhận văn bản điện tử; hệ thống thông tin Quản lý nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

- 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã có cán bộ chuyên trách về CNTT; 95% cán bộ cấp sở đã có chứng chỉ tin học, 70% ở cấp huyện, xã. Công tác đào tạo cán bộ CNTT luôn được các đơn vị quan tâm, thực hiện.

- Đầu tư ứng dụng CNTT giai đoạn 2007 – 2015 là 166.137 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản 158.956 triệu đồng, vốn sự nghiệp 5.941 triệu đồng; nguồn ngân sách hỗ trợ từ Trung ương là 1.240 triệu đồng.

- Toàn tỉnh có hơn 200 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT, tổng doanh thu trung bình hàng năm đạt trên 658 tỷ đồng, chiếm khoản 2% tổng GDP của địa phương.

- Theo kết quả đánh giá chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông của Ban chỉ đạo Quốc gia về CNTT và Hội Tin học Việt Nam, qua nhiều năm Khánh Hòa đều nằm trong danh sách các địa phương có chỉ số ứng dụng và phát triển CNTT đạt mức khá. Đặc biệt trong năm 2015, chỉ số về ứng dụng CNTT của tỉnh xếp thứ 5/63 tỉnh thành, trong đó chỉ tiêu về trao đổi văn bản điện tử, cổng thông tin điện tử đạt điểm tối đa.

Có được những kết quả trên là do có sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc tổ chức, triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch; sự phối hợp, hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình triển khai, tiếp nhận và khai thác sử dụng có hiệu quả các sản phẩm đầu tư ứng dụng CNTT; việc tiếp cận kịp thời và ban hành hệ thống pháp lý làm cơ sở cho việc triển khai và sử dụng có hiệu quả các ứng dụng đã được đầu tư.

2. Những vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai thực hiện các quy định trong Luật CNTT

Bên cạnh những kết quả đạt được việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như:

a) Về ứng dụng CNTT:

- Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của CNTT ở một bộ phận lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức chưa thật sự đầy đủ; việc

Nhà nước và của địa phương về ứng dụng, phát triển CNTT còn chậm, thiếu quyết liệt.

- Một bộ phận cán bộ, công chức còn ngại thay đổi phương thức tác nghiệp hành chính thủ công bằng phương thức tác nghiệp hành chính điện tử.

- Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển bùng nổ của CNTT đặt ra không ít khó khăn, thách thức trong việc thực thi quản lý nhà nước về đầu tư phát triển ứng dụng CNTT.

b) Về công nghiệp CNTT:

- Các doanh nghiệp CNTT của tỉnh đa phần là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực mua bán sản phẩm; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa lắp ráp thiết bị nhỏ lẻ.

- Quy mô thị trường còn nhỏ nên khó kêu gọi nguồn lực bên ngoài đầu tư phát triển công nghiệp CNTT tại địa phương.

- Công tác xúc tiến đầu tư và thương mại cho ngành công nghiệp CNTT chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

c) Về phát triển nguồn nhân lực CNTT:

- Công tác tuyển chọn, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chưa được quan tâm đầy đủ; nguồn nhân lực đảm nhận việc phối hợp tổ chức triển khai và tổ chức quản lý vận hành các ứng dụng còn thiếu, đặc biệt là ở cấp huyện, cấp xã; các chính sách hỗ trợ, ưu đãi,... chưa đáp ứng đầy đủ và còn thấp.

- Phần lớn cán bộ quản lý CNTT tại các ban xây dựng Đảng, các huyện, thị, thành ủy đều là cán bộ kiêm nhiệm, trình độ về CNTT chưa thật sự phù hợp nên việc triển khai, đẩy mạnh ứng dụng CNTT còn nhiều hạn chế. Việc cập nhật, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng CNTT và tiếp cận các công nghệ mới hỗ trợ các nhu cầu phát triển CNTT vẫn chưa chú trọng thực hiện thường xuyên.

- Chất lượng và nội dung chương trình đào tạo về CNTT hiện nay vẫn chưa theo kịp thực tiễn, dẫn đến nguồn cung về nhân lực CNTT hiện đang thừa trong khi nguồn cầu nhân lực có trình độ cao trong xã hội lại thiếu; các chính sách về tiền lương, tăng thu nhập và nhà ở để vẫn chưa đủ sức thu hút nguồn nhân lực chất lượng công tác, công hiến làm việc lâu dài tại tỉnh.

d) Về hạ tầng CNTT: Hạ tầng CNTT hiện vẫn chưa được đồng bộ, đầy đủ; chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung ngày càng được mở rộng của tỉnh. Do vậy, để đảm bảo khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng CNTT trước nhu cầu triển khai ứng dụng CNTT của tỉnh trong thời gian tới, cần khẩn trương nâng cấp hệ thống hạ tầng CNTT, đặc biệt là hệ thống hạ tầng CNTT dùng chung của tỉnh.

đ) Về đầu tư cho CNTT: Nguồn vốn bố trí triển khai các nhiệm vụ còn chậm, dẫn đến một số dự án chưa được triển khai theo lộ trình thực hiện Kế hoạch; nguồn vốn chủ yếu thực hiện Kế hoạch là ngân sách địa phương, chưa tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn khác, hình thức đầu tư còn hạn chế.

e) Hợp tác quốc tế:

- Cơ chế, chính sách đẩy mạnh hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh với tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trong lĩnh vực CNTT còn hạn chế.

- Phần lớn các doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh đều là doanh nghiệp nhỏ nên hoạt động phát triển thị trường CNTT ở nước ngoài chưa được quan tâm thực hiện.

g) Về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ CNTT: Thời gian qua, mặc dù nhà nước đã quan tâm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người tàn tật tham gia hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT như: có chính sách ưu tiên cho người tàn tật tham gia các chương trình giáo dục và đào tạo về CNTT; các chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển CNTT của tỉnh đều có nội dung hỗ trợ, bảo đảm cho người tàn tật hòa nhập với cộng đồng. Tuy nhiên, việc triển khai đưa vào thực tế các sản phẩm, ứng dụng CNTT hỗ trợ người khuyết tật vẫn còn nhiều hạn chế. Người khuyết tật hiện vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận, sử dụng các ứng dụng CNTT để hỗ trợ và nâng cao chất lượng cuộc sống.

h) Về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm:

- Công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền còn chưa sâu sát dẫn đến một số trường hợp doanh nghiệp kinh doanh không đúng quy định.

- Nhận thức và hiểu biết về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực CNTT của một số ít doanh nghiệp và người tiêu dùng còn hạn chế dẫn đến trường hợp một số doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh kinh doanh không đúng theo quy định của pháp luật, bên cạnh đó người tiêu dùng vô tình hay cố ý tiếp tay cho các hành vi kinh doanh trái pháp luật của các doanh nghiệp.

i) Về an toàn thông tin:

- Hoạt động về an toàn thông tin ngày càng diễn biến phức tạp và nguy hiểm, trong khi đó trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo an toàn thông tin của tỉnh còn khá hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế đặt ra.

- Năng lực công nghệ trong lĩnh vực an toàn thông tin hiện vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Thị trường an toàn thông tin vẫn chưa phát triển. Các doanh nghiệp viễn thông, CNTT lớn hiện cũng chưa dành sự quan tâm đúng mức tới thị trường này.

3. Tính đồng bộ của Luật CNTT với các văn bản pháp luật khác

- Tại Khoản 2, Điều 62 Luật CNTT có quy định “Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách cho CNTT bảo đảm tỷ lệ tăng chi ngân sách cho CNTT hằng năm cao hơn tỷ lệ tăng chi ngân sách nhà nước. Ngân sách cho CNTT phải được quản lý, sử dụng có hiệu quả”, tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có quy định cụ thể nào về mục chi dành cho hoạt động CNTT trong mục lục chi ngân sách nhà nước, dẫn đến việc khó khăn trong quá trình phân bổ kinh phí, phục vụ hoạt động đầu tư, phát triển ứng dụng CNTT tại địa phương.

- Tại Khoản 2, Điều 44 Luật CNTT có quy định “Tiêu chuẩn ngành nghề,

nay việc quy định tiêu chuẩn ngành nghề, chức danh về CNTT vẫn chưa được các cơ quan chức năng quy định, hướng dẫn cụ thể.

- Tại Điều 50 Luật CNTT có quy định về danh mục sản phẩm CNTT trọng điểm và chính sách ưu đãi liên quan đến sản phẩm này. Tuy nhiên hiện nay, danh mục sản phẩm CNTT trọng điểm vẫn chưa được các cơ quan chức năng ban hành nên việc áp dụng mức ưu đãi dành cho các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu - phát triển, sản xuất sản phẩm CNTT trọng điểm khó thực hiện.

- Trong Luật CNTT, chế độ ưu đãi liên quan đến hoạt động CNTT được đề cập tại 11 nội dung (*cụ thể tại Điều 5, Điều 38, Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 48, Điều 50, Điều 51, Điều 53, Điều 64, Điều 74*), tuy nhiên mức ưu đãi cụ thể đối với các nội dung này hiện nay vẫn chưa được quy định đầy đủ trong các văn bản pháp luật khác cơ liên quan. Ví dụ: Hiện vẫn chưa có quy định cụ thể chế độ ưu đãi dành cho người hoạt động chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà; ưu đãi đối với các dịch vụ CNTT; ưu đãi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tuyển dụng lao động trong nước để phát triển, sản xuất, gia công sản phẩm CNTT...

PHẦN II ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. GIẢI PHÁP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH LUẬT CNTT

1. Các giải pháp hoàn thiện thể chế

- Bổ sung đối tượng: Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân nhân lực công nghệ cao làm việc trong lĩnh vực CNTT vào nhóm đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế trong Luật Thuế thu nhập cá nhân;

- Bổ sung đối tượng: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện các dự án: Sản xuất sản phẩm nội dung thông tin số, dịch vụ phần mềm, sản xuất sản phẩm CNTT trọng điểm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin vào nhóm đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Bổ sung, điều chỉnh các Danh Mục hoạt động thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Danh Mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh Mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày ngày 26 tháng 5 năm 2016 về chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng CNTT tại Việt Nam; phối hợp với các ngành, chức năng liên quan quy định mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động CNTT thuộc danh mục này.

2. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về CNTT:

- Quy định cụ thể mức chi dành cho lĩnh vực CNTT trong phục lục chi ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí kinh phí cho các hoạt động đầu tư cho ứng dụng, phát triển CNTT.

- Tăng cường biên chế cho đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT, có chính sách ưu đãi dành cho cán bộ chuyên trách CNTT nhằm thu hút, giữ chân đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT làm trong các cơ quan nhà nước.

- Sớm ban hành danh mục sản xuất sản phẩm CNTT trọng điểm nhằm thu hút các doanh nghiệp CNTT trong và ngoài nước đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, phát triển, góp phần thúc đẩy hoạt động công nghiệp CNTT ngày càng phát triển.

- Quy định chi tiết, cụ thể danh mục các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp CNTT nhằm giúp hoạt động đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như công tác quản lý hoạt động của các doanh nghiệp trong từng lĩnh vực, ngành nghề được thuận tiện.

3. Các giải pháp khác: Không

II. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI LUẬT CNTT

1. Các quy định cần sửa đổi, thay thế trong Luật CNTT

STT	Đề xuất sửa đổi, thay thế Luật CNTT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật			
	Điều khoản cần sửa đổi, thay thế	Nội dung sửa đổi, thay thế	Lý do	Dự kiến tác động của đề xuất sửa đổi, thay thế
01	Điều 43	Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện hoạt động đào tạo CNTT và cấp chứng chỉ CNTT	Theo quy định hiện nay về việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT, trách nhiệm chủ trì triển khai thực hiện thuộc về Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thay đổi trách nhiệm giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động đào tạo và cấp chứng chỉ CNTT
02	Khoản 9, Điều 4	Đề nghị định nghĩa lại nội dung "Công nghiệp CNTT" là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao sản xuất và cung cấp sản phẩm CNTT, bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số, dịch vụ CNTT, khu CNTT tập trung	Thực tế hoạt động quản lý nhà nước về CNTT và các văn bản đang triển khai thực hiện hiện nay (Quyết định số 959/QĐ-BTTTT ngày 12/6/2015 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Công nghệ thông tin đối với hoạt động quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT; Thông tư số 24/2009/TT-BTTTT ngày 24/7/2009 ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với các đơn vị hoạt động thông tin và truyền thông; Thông tư số 25/2009/TT-BTTTT ngày 24/7/2009 ban	Giúp hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp CNTT đối với từng nội dung, lĩnh vực được cụ thể, rõ ràng.

			hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về hoạt động thông tin và truyền thông...), lĩnh vực quản lý về công nghiệp CNTT bao gồm cả các lĩnh vực dịch vụ CNTT, khu CNTT tập trung.	
--	--	--	--	--

2. Các vấn đề mới phát sinh cần quy định bổ sung trong Luật CNTT

- Trên cơ sở Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ về chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng CNTT tại Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan, đề xuất trong dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật CNTT nên một mục riêng quy định các lĩnh vực, sản phẩm CNTT được hưởng chế độ ưu đãi, tương ứng là mức ưu đãi cụ thể đối với từng nội dung, lĩnh vực, giúp tạo sự thuận tiện trong quá trình tham chiếu, triển khai thực hiện.

- Đề xuất bổ sung nội dung “Đảm bảo tính hợp pháp của bản quyền phần mềm” vào nguyên tắc ứng dụng CNTT trong hoạt của cơ quan được quy định tại Điều 24 Luật CNTT.

3. Kiến nghị, đề xuất khác: Không./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCTUBND tỉnh;
- Vụ CNTT-Bộ TTTT;
- VP Tỉnh ủy;
- Các sở, ban ngành (VBĐT, để biết);
- UBND các huyện, TX, TP (VBĐT, để biết);
- Lưu: VT, NN, QP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đắc Tài

PHỤ LỤC
Một số kết quả tổng kết 10 năm thi hành Luật CNTT

(Kèm theo Báo cáo số 160.../BC-UBND ngày 12/17/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

I. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước (bao gồm: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Sở, Ban, ngành)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Tính đến tháng 12/2015
1	Tỷ lệ máy tính /Cán bộ, công chức, viên chức	60%	100%
2	Tỷ lệ máy tính kết nối Internet băng thông rộng	68.5%	100%
3	Tỷ lệ dịch vụ hành chính công được cung cấp trên mạng Internet	0	100%
4	Số lượng dịch vụ hành chính công được cung cấp trên mạng	0	1516
	- Dịch vụ đạt mức 1	0	0
	- Dịch vụ đạt mức 2	0	1043
	- Dịch vụ đạt mức 3	0	473
	- Dịch vụ đạt mức 4	0	0
5	Tỷ lệ cán bộ CNV sử dụng thư điện tử công vụ trong công việc	25%	70%
6	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan nhà nước	5%	35%
7	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước	6.74%	27%
8	Tỷ lệ các đơn vị có kết nối mạng diện rộng WAN	73%	100%
9	Tỷ lệ đơn vị có website và đưa thông tin chỉ đạo điều hành lên website	30%	97%

2. Chi cho ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Kinh phí (triệu VNĐ)	
		Năm 2007	Bình quân năm năm (2011-2015)
1	Tổng kinh phí cấp cho ứng dụng CNTT	10.932	26.132
	- Nguồn ngân sách Trung ương	5.140	0
	- Ngân sách địa phương	5.792	26.132
	- Nguồn vốn ODA	0	0
	- Từ các nguồn khác	0	0
2	Tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp công nghệ thông tin so với tổng kinh phí chi sự nghiệp hằng năm của tỉnh.	0,086	0,129
3	Tỷ lệ ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công nghệ thông tin so với tổng kinh phí chi đầu tư phát triển hằng năm của tỉnh.	0,210	0,515

3. Các chương trình, dự án về ứng dụng và phát triển CNTT từ năm 2007 đến hết 2015

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian, giai đoạn	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ¹
1	Dự án tin học hóa hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2006 - 2011	2006 - 2011	Đầu tư trang bị thiết bị mạng, máy chủ, máy trạm phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại nhằm góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc	5.140	- 3,7 tỷ đồng và vốn sự nghiệp - 1,24 tỷ đồng ngân sách Trung ương - Bổ sung thêm 200 triệu đồng đầu tư cho huyện mới thành lập.
2	Dự án nâng cấp hệ thống tin điều hành tác nghiệp giai đoạn 2012 - 2013	2012 - 2013	Đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm của các cơ quan Đảng tỉnh Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật	3.400	Ngân sách tỉnh
3	Dự án Nâng cấp, mở rộng kết nối mạng đến các đảng ủy xã, phường, thị trấn, giai đoạn 2015 - 2016	2015 - 2016	Trang bị mỗi đơn vị cấp xã một bộ máy tính để bàn (PC) và 01 bộ UPS, kết nối đường truyền internet, trao đổi thông tin qua hộp thư công vụ.	2.373	Ngân sách tỉnh
4	Dự án Tin học hóa ngành Tài nguyên và Môi trường	2007 - 2008	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa và từ đó cung cấp dịch vụ công phục vụ cộng đồng	5.792	Ngân sách địa phương
5	Tin học hóa công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	2008 - 2009	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	9.625	Ngân sách địa phương
6	Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa	2009 - 2010	Tạo một địa chỉ duy nhất trên internet để người dùng có thể truy cập và khai thác các thông tin hiện đang được cung cấp bởi các website đang nằm rải rác tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh Khánh Hòa; tạo ra một phương tiện mới để đưa thông tin	2.982	Ngân sách địa phương

¹ Nguồn vốn: Ngân sách, ODA, khác (ghi rõ)

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian, giai đoạn	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ¹
			về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của tỉnh đến với người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư; đặt cơ sở ban đầu để dần đưa việc giải quyết các thủ tục hành chính bằng các dịch vụ hành chính trên mạng, hỗ trợ đặc lực cho công cuộc cải cách hành chính đang được Đảng và Chính phủ chỉ đạo thực hiện		
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý đầu tư và thông tin kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa	2009 - 2010	Nâng cấp và trang bị mới hệ thống công nghệ thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm phần cứng, hệ thống bảo mật và phần mềm chuyên ngành	2.241	
8	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) để quản lý quy hoạch và phát triển Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa	2010	Nâng cao năng lực quản lý quy hoạch và phát triển, hỗ trợ công tác xúc tiến đầu tư của Khu kinh tế Vân Phong	2.910	
9	Sàn giao dịch việc làm điện tử Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Khánh Hòa	2012	Nhằm từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống thông tin lao động và thị trường lao động, nâng cao năng lực của Trung tâm Dịch vụ việc làm đáp ứng được đòi hỏi thực tiễn đặt ra cho công tác này.	2.500	Ngân sách địa phương
10	Dự án nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa	2011 - 2013	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh Khánh Hòa, nhằm đáp ứng đầy đủ chức năng tích hợp cơ sở dữ liệu, quản lý dữ liệu và cung cấp thông tin.	8.869	Ngân sách địa phương
11	Dự án nâng cấp Hệ thống mạng diện rộng (Wan) tỉnh Khánh Hòa	2011 - 2013	Nâng cấp hoàn thiện Hệ thống mạng diện rộng (Wan) trên địa bàn tỉnh, làm nền tảng triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý điều	8.867	Ngân sách địa phương

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian, giai đoạn	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VND)	Nguồn vốn ¹
			hành, tạo môi trường làm việc hiện đại trong các cơ quan nhà nước, phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.		
12	Dự án Hệ thống kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Khánh Hòa	2012 - 2013	Xây dựng hoàn thiện Hệ thống kiểm tra, kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Khánh Hòa và triển khai thành công tại 08 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	4.409	Ngân sách địa phương
13	Mua sắm thiết bị cho phim trường thời sự	2012	Đầu tư thiết bị mới	7.991	Ngân sách địa phương
14	Dự án Hệ thống sắp xếp chương trình tự động	2012	Đầu tư mới Hệ thống sắp xếp chương trình tự động	10.504	Ngân sách địa phương
15	Dự án Hệ thống mạng tổng thể cho sản xuất chương trình và lưu trữ dữ liệu	2013	Đầu tư mới hệ thống mạng tổng thể cho sản xuất chương trình và lưu trữ dữ liệu	19.515	Ngân sách địa phương
16	Dự án Hệ thống hội nghị, giao ban trực tuyến	2013 - 2014	Xây dựng hoàn thiện Hệ thống hội nghị, giao ban trực tuyến, sử dụng công nghệ truyền thông tiên tiến trên nền IP nhằm phục vụ việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, giao ban trực tuyến giữa các cấp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	6.522	Ngân sách địa phương
17	Dự án Tin học hóa một số dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3	2013 - 2016	Hoàn thành việc triển khai sử dụng thống nhất Bộ phần mềm một cửa điện tử tại tất cả các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; phát triển mở rộng ứng dụng mô hình "một cửa điện tử theo hướng hiện đại" trong hoạt động cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường số lượng TTHC cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3 trở lên; nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của các CQNN; tiết kiệm thời	12.896	Ngân sách địa phương

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian, giai đoạn	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ¹
			gian, kinh phí trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; nâng cao chất lượng quản lý và điều hành của các cấp chính quyền; đẩy nhanh tiến độ CCHC của địa phương và góp phần nâng cao chỉ số cạnh tranh PCI cấp tỉnh.		
18	Dự án Nâng cấp hệ thống mạng LAN Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	2014 - 2015	Xây dựng hệ thống hỗ trợ các hoạt động tác nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	4.120	Ngân sách địa phương
19	Dự án Thiết bị và máy quay mới công nghệ SD/HD	2015	Hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật của Đài PT&TH Khánh Hòa	18.385	Ngân sách địa phương
20	Hệ thống thông tin quản lý nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa	2014 - 2015	Phát triển Hệ thống thông tin quản lý nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa theo hướng công nghệ mới; cung cấp đầy đủ các chức năng hỗ trợ thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực tổng thể tại địa phương, đặc biệt là các hoạt động như: quy hoạch, đào tạo, tuyển dụng và sử dụng nguồn lực lao động trong cơ quan nhà nước, trong các tổ chức đào tạo, các tổ chức sử dụng lao động,... nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ lao động có đủ trình độ, năng lực để tiếp nhận và thực hiện tốt vị trí công việc được giao	1.797	Ngân sách địa phương
21	Các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ triển khai mô hình "một cửa điện tử" liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	2013 - 2015	Đầu hạ tầng kỹ thuật CNTT phục vụ triển khai mô hình "một cửa điện tử" liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	22.643	Ngân sách địa phương
22	Đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp thông tin ngăn chặn phục vụ hoạt động công	2015- 2016	Đảm bảo tăng cường sự quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh; nhất là trong quản lý, khai thác thông tin ngăn chặn liên quan đến	573	Ngân sách địa phương

STT	Tên chương trình, dự án	Thời gian, giai đoạn	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ¹
	chứng" trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa		hoạt động công chứng, góp phần hạn chế rủi ro trong hoạt động công chứng thông qua việc xây dựng Cơ sở dữ liệu chung về thông tin ngăn chặn và Hệ thống thông tin cập nhật, khai thác CSDL dùng chung		
23	Đề án: Trục tuýn hóa biểu mẫu các thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trực tuyến qua mạng internet từ mức độ 3 trở lên	2015-2016	Xây dựng hoàn thiện phần mềm lõi hỗ trợ tạo lập biểu mẫu trực tuyến của các TTHC được UBND tỉnh công bố tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trực tuyến qua mạng Internet từ mức độ 3 trở lên. Sử dụng một lõi phần mềm với từ điển các trường dữ liệu dùng chung cho tất cả các loại biểu mẫu thủ tục hành chính, dễ dàng hiệu chỉnh, bổ sung từ điển trường dữ liệu theo nhu cầu sử dụng hoặc khi biểu mẫu thủ tục hành chính có thay đổi.	2.083	Ngân sách địa phương

4. Chi phí đầu tư cho nghiên cứu, phát triển có liên quan đến CNTT

	Năm	Tổng số	Chia theo nguồn		
			Ngân sách Nhà nước	Vốn từ nước ngoài	Vốn từ nguồn khác
A		l=2+3+4	2	3	4
Tổng chi phí cho nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ trong năm	2007	6.192	6.192	0	0
	2015	14.642	14.642	0	0
- Chi cho nghiên cứu và phát triển có liên quan đến CNTT	2007	400	400	0	0
	2015	2.474	2.474	0	0
- Chi cho ứng dụng CNTT	2007	5.792	5.792	0	0
	2015	12.168	12.168	0	0
Trong đó:					
+ Mua máy móc, thiết bị	2007	595	595	0	0
	2015	1.147	1.147	0	0
+ Định kỳ bảo hành khai thác	2007	0	0	0	0
	2015	1.272	1.272	0	0
+ Chi mua, khai thác sáng chế, sản phẩm phần mềm	2007	1.695	1.695	0	0
	2015	2.308	2.308	0	0

Ghi chú: Số liệu lấy cho 2 năm 2007 và 2015

5. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

	Năm	Tổng số	Chia theo cấp			
			Nhà nước	Bộ, ngành	Cơ sở	Khác
- Số chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án đã triển khai và tham gia triển khai trong năm	2007	57	0	0	57	0
	2015	13	0	0	13	0
- Số chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án đã triển khai và tham gia triển khai có liên quan đến CNTT trong năm	2007	2	0	0	2	0
	2015	1	0	0	1	0
- Số sáng kiến, giải pháp kỹ thuật CNTT được áp dụng trong năm	2007	1	0	0	1	0
	2015	0	0	0	0	0

Ghi chú: Số liệu lấy cho 2 năm 2007 và 2015

6. Các khó khăn vướng mắc trong trong hoạt động nghiên cứu, phát triển: Nguồn vốn đầu tư cho nghiên cứu và phát triển CNTT còn hạn chế, chủ yếu là từ ngân sách địa phương, chưa tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn khác.

7. Hoạt động tiêu chuẩn hóa về CNTT nên tăng cường

- Tình hình ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định
- Tình hình Ban hành các danh mục tiêu chuẩn
- Tình hình xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật
- Tình hình tổ chức thực hiện các khóa đào tạo/ hội thảo nâng giới thiệu các tiêu chuẩn mới được ban hành/cập nhật
- Hình thức phổ biến áp dụng tiêu chuẩn CNTT

II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CNTT TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2015
1	Số doanh nghiệp CNTT	185	255
	- Doanh nghiệp phần cứng	107	114
	- Doanh nghiệp phần mềm	22	63
	- Số doanh nghiệp nội dung số	27	38
	- Doanh nghiệp dịch vụ CNTT	29	40
2	Doanh thu toàn ngành công nghiệp CNTT (Triệu VNĐ)	310.520	989.209
	- Doanh thu công nghiệp phần mềm	30.899	132.070
	- Doanh thu công nghiệp phần cứng	143.323	458.840
	- Doanh thu công nghiệp nội dung số	4.145	41.736
	- Doanh thu dịch vụ CNTT	19.617	356.563
3	Tổng số lao động làm việc trong lĩnh vực CNTT	593	840
	- Lao động trong lĩnh vực phần cứng	367	392
	- Lao động trong lĩnh vực phần mềm	90	257
	- Lao động trong lĩnh vực nội dung số	95	134
	- Lao động trong lĩnh vực dịch vụ CNTT	41	57
4	Tỷ trọng đóng góp vào GDP của địa phương (%)	1.6%	2.2%

2. Đầu tư cho phát triển công nghiệp CNTT

TT	Chỉ tiêu	Mức kinh phí (Triệu VNĐ)	
		Năm 2007	Bình quân năm năm (2011-2015)
1	Kinh phí cấp đầu tư cho phát triển công nghiệp CNTT (Trung bình /Năm)	0	0
	- Từ nguồn ngân sách Trung ương	0	20
	- Từ nguồn ngân sách địa phương	0	210
	- Nguồn vốn ODA	0	0
	- Từ các nguồn khác	0	0

3. Tổng nguồn vốn FDI đăng ký đầu tư vào lĩnh vực CNTT từ khi có Luật CNTT đến nay (2007-2015): 0 đồng

III. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CNTT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2015
1	Số sinh viên được đào tạo về CNTT	443	886
	- Trình độ Đại học và trên Đại học	320	550
	- Trình độ Trung cấp, cao đẳng	123	336
2	Số trường Đại học, cao đẳng có khoa CNTT	04	06
3	Số trường Đại học, cao đẳng có hợp tác đào tạo quốc tế trong lĩnh vực CNTT	0	0
4	Vốn đầu tư cho nguồn nhân lực CNTT	3.600	7.008
	- Từ nguồn ngân sách Trung ương	0	0
	- Từ nguồn ngân sách địa phương	3.600	7.008
	- Nguồn vốn ODA	0	0
	- Từ các nguồn khác	0	0

IV. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CNTT-TT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Tính đến 12/2015
1	Tỷ lệ người sử dụng Internet	55.3%	100%
2	Tỷ lệ máy tính/hộ gia đình	34%	50%
3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet bằng băng thông rộng	20%	46%
4	Số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, internet	06	07
5	Tỷ lệ xã, phường, thôn bản được cung cấp dịch vụ CNTT (Điện thoại, Internet)	100	137

V. CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠO ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CNTT

T	Số hiệu văn bản	Loại văn bản ²	Tên văn bản	Ngày ban hành	Cấp ban hành ³	Trích yếu
---	-----------------	---------------------------	-------------	---------------	---------------------------	-----------

² Nghị quyết, quyết định, chỉ thị

³ Tỉnh uỷ, UBND, sở, ban, ngành

T T	Số hiệu văn bản	Loại văn bản ²	Tên văn bản	Ngày ban hành	Cấp ban hành ³	Trích yếu
1	12-CTr/TU	Chương trình	-	28/10/2002	Tỉnh ủy	Về mục tiêu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2003 đến 2010
2	24-CTr/TU	Chương trình	-	27/11/2014	Tỉnh ủy	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị
3	06/2007/ NQ-HĐND	Nghị quyết	-	02/02/2007	HĐND tỉnh	Về tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2007 – 2010
4	37/2010/QĐ- UBND	Quyết định	-	15/11/2010	UBND tỉnh	Quy chế quản lý và vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa.
5	20/2014/QĐ- UBND	Quyết định	-	15/09/2014	UBND tỉnh	Quyết định ban hành Quy định trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa
6	38/2015/QĐ- UBND	Quyết định	-	24/12/2015	UBND tỉnh	Quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (<i>thay thế Quyết định số 36/2010/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh</i>)
7	24/2006/CT- UBND	Chỉ thị	-	22/8/2006	UBND tỉnh	Về việc giảm giấy tờ, văn bản trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa
	1913/QĐ- UBND	Quyết định	-	16/07/2015	UBND tỉnh	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 27/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa
8	1321/QĐ- UBND	Quyết định	-	17/05/2016	UBND tỉnh	Quyết định ban hành quy định về tạo lập và cập nhật văn bản, tài liệu, hồ sơ điện tử trong các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Khánh Hòa
9	727/QĐ- UBND	Quyết định	-	17/4/2007	UBND tỉnh	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 06/2007/NQ-HĐND ngày 02/02/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2007 – 2010
10	1480/QĐ- UBND	Quyết định	-	18/6/2012	UBND tỉnh	Quy định Quản lý, sử dụng hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh Khánh Hòa trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa
11	2739/QĐ- UBND	Quyết định	-	16/10/2014	UBND tỉnh	Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa
12	2747/QĐ- UBND	Quyết định	-	16/10/2014	UBND tỉnh	Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Khánh Hòa năm 2015 và

T T	Số hiệu văn bản	Loại văn bản ²	Tên văn bản	Ngày ban hành	Cấp ban hành ³	Trích yếu
						giai đoạn 2016-2020
13	3026/QĐ- UBND	Quyết định	..	11/11/2014	UBND tỉnh	Quy định bố trí công chức, viên chức chuyên trách về ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa
14	3217/QĐ- UBND	Quyết định	..	10/11/2015	UBND tỉnh	Quyết định công bố cập nhật danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến qua mạng Internet ở mức độ 3
15	15/CT- UBND	Chỉ thị	..	15/4/2010	UBND tỉnh	Về việc ứng dụng quản lý thuế bằng công nghệ thông tin đối với hoạt động kinh doanh lưu trú trên địa bàn tỉnh.
16	35/CT- UBND	Chỉ thị	..	08/9/2010	UBND tỉnh	Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
17	12/CT- UBND	Chỉ thị	..	31/7/2013	UBND tỉnh	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Khánh Hòa
18	17/CT- UBND	Chỉ thị	..	22/12/2015	UBND tỉnh	Chỉ thị về việc tăng cường sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa
19	3980/KH- UBND	Kế hoạch	..	29/7/2010	UBND tỉnh	Thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số năm 2011 của tỉnh Khánh Hòa
20	3262/KH- UBND	Kế hoạch	..	29/6/2011	UBND tỉnh	Triển khai thực hiện Đề án "Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông" tại tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 – 2015
21	4589/KH- UBND	Kế hoạch	..	31/8/2011	UBND tỉnh	Thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số năm 2012 của tỉnh Khánh Hòa
22	6587/KH- UBND	Kế hoạch	-	09/10/2015	UBND tỉnh	Xây dựng kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh Hòa
23	7310/KH- UBND	Kế hoạch	..	29/10/2015	UBND tỉnh	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020

VI. KẾT QUẢ CÙNG CỘ ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC CNTT

STT	Chỉ tiêu	Số lượng tính đến 12/2015	
		Cấp tỉnh	Cấp huyện
1	Số lượng cơ quan chuyên trách về CNTT	01	08
2	Tổng số cán bộ chuyên trách	31	16
3	Số cán bộ được cử đào tạo về CNTT	31	16
	- Đào tạo trong nước	0	0

- Đào tạo nước ngoài	31	16
----------------------	----	----

VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VỀ ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CNTT (hiện nay)

STT	Tên chương trình, dự án	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ⁴
1	Dự án Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý vào quản lý cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa	Tăng cường năng lực của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa trong việc ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) để quản lý hoạt động chuyên ngành một cách hiệu quả và đồng bộ, đồng thời thực hiện tích hợp tạo lập một hệ thống thông tin tổng thể để quản lý hạ tầng, kinh tế xã hội của tỉnh, hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và điều hành của các cấp chính quyền cũng như tăng cường khả năng cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp.	82.518	Ngân sách địa phương
2	Dự án Mở rộng hệ thống thông tin chỉ huy Công an tỉnh Khánh Hòa	Tăng cường bổ sung trang thiết bị kỹ thuật cần thiết, mở rộng phạm vi, quy mô điều hành tác chiến trên địa bàn; góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành; góp phần quan trọng trong việc giữ vững và ổn định an ninh chính trị, đảm bảo an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.	29.908	Ngân sách địa phương
3	Triển khai nhân rộng phần mềm tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Triển khai nhân rộng việc sử dụng phần mềm tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo tại các cơ quan trên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm nâng cao năng lực quản lý và chất lượng hoạt động tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo trong nghiệp vụ công tác thanh tra, kiểm tra	5.000	Ngân sách địa phương
4	Đề án liên kết xây dựng Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Nha Trang	Xây dựng hoàn thành Khu Công viên phần mềm Quang Trung - Nha Trang trong "Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung" nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư nhằm thu hút vốn, công nghệ và nhân lực phát triển ngành công nghiệp phần mềm; tạo điều kiện thuận lợi gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu - phát triển công nghệ cao với sản xuất dịch vụ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thương mại hóa tại địa phương	200.000	Nguồn vốn khác
5	Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền điện	Xây dựng hoàn thành Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Khánh	700	Ngân sách địa

STT	Tên chương trình, dự án	Mô tả	Tổng kinh phí (triệu VNĐ)	Nguồn vốn ⁴
	từ tỉnh Khánh Hòa	Hòa đảm bảo phù hợp với Khung Chính phủ điện tử Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và tình hình phát triển CNTT tỉnh Khánh Hòa		phương
6	Triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Duy trì và phát triển mở rộng các hệ thống thông tin đã có nhằm đảm bảo việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo lộ trình đã được ban hành	3.000	Ngân sách địa phương
7	Quy hoạch xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung của địa phương	Hoàn thành việc Quy hoạch xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung của địa phương trong Khu công nghệ cao của tỉnh Khánh Hòa	500	Ngân sách địa phương